

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/7/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Bảo Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu.

Bà Thi Thị Thanh Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Khởi, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 314/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T trình bày: Năm 2005 chị và anh Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Sau khi cưới, về sống bên nhà chị tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và các vấn đề khác không đồng thuận. Ý kiến anh và chị luôn trái chiều nhau nên trong việc kinh doanh mua bán không ai hỗ trợ nhau được điều gì, anh P can thiệp vào công việc làm ăn chị không đồng ý thì anh dùng lời lẽ khiếm nhã gây áp lực buộc chị đóng cửa nhà xưởng đang kinh doanh. Vì tính gia trưởng nên vợ chồng chị thường xuyên cự cãi, đời sống chung không hạnh phúc, có cho nhau thời gian hàn gắn nhưng không được.

Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 31/10/2007 chị T yêu cầu quyền nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày tại bản biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2023 và trong quá trình giải quyết như sau: Vợ chồng anh chung sống không có mâu thuẫn nghiêm trọng đến mức phải ly hôn, theo anh nguyên nhân ly hôn như chị T trình bày là đúng, nhưng vấn đề ở đây là anh không có gia trưởng, anh chỉ quan tâm tới công việc làm ăn của T, hỏi han vấn đề tiền bạc thu chi như thế nào và anh thừa nhận anh có khuyên chị làm ít công việc lại để có thời gian dành cho gia đình con cái. Chỉ như vậy mà T cho là gia trưởng và dẫn tới mâu thuẫn ly thân hơn 01 năm nay. Nhiều lần anh có tìm cách nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng chị T luôn né tránh, nên có cố gắng tìm cách hàn gắn mà không được. Nay anh không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh P xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 14/3/2023 con chung Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Thị Trà M trình bày: Do cha mẹ không hợp nhau nên tôn trọng quyết định hôn nhân của cha và mẹ, không có ý kiến và có nguyện vọng xin theo mẹ.

* Sau khi thụ lý, Tòa án nhân huyện Châu Thành đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải để các đương sự cơ hội đoàn tụ, thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành lập biên bản ghi nhận ý kiến các bên và đưa vụ án ra xét xử.

* Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh P và đồng ý giao cho anh P quyền nuôi dưỡng 02 con chung. Tài sản chung có nhưng tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

Bị đơn anh P giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn, yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung có nhưng tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

* Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ. Trên cơ sở đơn khởi kiện, lời khai, lời trình bày của

nguyên đơn, bị đơn. Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc T, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P ly hôn. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi con chung của chị T và anh P 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 31/10/2007 giao cho anh P quyền nuôi dưỡng, anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh Nguyễn Văn P, anh P có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về đưa người tham gia tố tụng và hòa giải: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đưa bị đơn là anh Nguyễn Văn P vào tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại các Điều 68, 177, 196, 205, 208, 209, 210 và Điều 211 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại các phiên họp, hòa giải hai bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đưa vụ án ra xét xử.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2005 chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn P xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bình Thuận nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong quá trình sống chung chị T trình bày vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống chung không hạnh phúc, hai vợ chồng có cho nhau thời gian hàn gắn nhưng không được. Vì mâu thuẫn kéo dài, thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Xét yêu cầu của chị T cũng như quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của chị T và anh P không còn, hai người ly thân từ năm 2022 đến nay bỏ mặc nhau, không yêu thương giúp đỡ nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp

nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T.

[3.2] Về con chung: Nguyễn Văn Đ sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 31/10/2007, xét thấy trong quá trình giải quyết chị T và anh P đều có yêu cầu quyền nuôi 02 con chung. Cháu Đ và M có nguyện vọng sống chung với chị T. Tuy nhiên tại phiên tòa chị T và anh P đã tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung cho anh P quyền nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này, giao con chung Đ và M cho anh P quyền nuôi dưỡng.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Chị T và anh P xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3.5] Về nợ chung: Chị T và anh P xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc T.

- Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện thống nhất thỏa thuận giao cho anh P quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Văn Đ sinh ngày 26/11/2005 và Nguyễn Thị Trà M sinh ngày 31/10/2007.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn P không yêu cầu chị Lê Thị Ngọc Trinh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn P xác định có, nhưng tự thỏa thuận, không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Ngọc T và anh Nguyễn Văn P xác định không có,

không có tranh chấp, nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được căn trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0008725 ngày 15/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo”Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CC THADS huyện Châu Thành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Trần Bảo Trân

